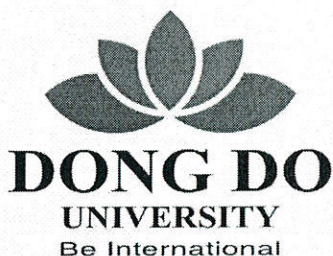




BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÔNG ĐO



BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số 64 /QĐ-ĐHĐĐ ngày 11 tháng 02 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đông Đô)*

Tên chương trình : Tài chính - Ngân hàng
Trình độ đào tạo : Đại học
Ngành đào tạo : Tài chính - Ngân hàng
Mã ngành : 7340201
Loại hình đào tạo: Chính quy

Hà Nội, 2025

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

*(Ban hành theo Quyết định số 64/QĐ - ĐHDĐ ngày 11 tháng 02 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đông Đô)*

1. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo đại học ngành Tài chính – Ngân hàng được điều chỉnh nhằm mục đích nâng cao chất lượng đào tạo đại học, thực hiện các chương trình đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam. Chương trình đào tạo đại học ngành Tài chính - Ngân hàng được kế thừa từ chương trình đào tạo ban hành 2022 và được bổ sung, phát triển nhiều nội dung mới để đáp ứng với yêu cầu mới của giáo dục đại học và thị trường lao động có liên quan đến Ngành Tài chính - Ngân hàng trong nước và hội nhập quốc tế trong điều kiện mới.

1.2. Thông tin chung

- Tên ngành đào tạo:
- + Tên tiếng Việt: Chương trình đào tạo trình độ đại học Ngành Tài chính – Ngân hàng
- + Tên tiếng Anh: Finance - Banking
- Mã ngành: 734.02.01
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Thời gian đào tạo: 4 năm (có thể học vượt theo quy định)
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp: Cử nhân.
- + Tên tiếng Việt: Cử nhân Tài chính – Ngân hàng
- + Tên tiếng Anh: Bachelor's degree in Finance and Banking.
- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Khoa Kinh tế, Trường Đại học Đông Đô
- Đơn vị cấp bằng: Trường Đại học Đông Đô
- Loại hình đào tạo: Chính quy
- Ngôn ngữ sử dụng: Tiếng Việt
- Thông tin tuyển sinh:
 - a. Đối tượng tuyển sinh (chuẩn đầu vào):
 - Tổ hợp xét tuyển học sinh tốt nghiệp lớp 12:
 - + A00: Toán, Vật Lý, Hóa Học
 - + A01: Toán, Vật Lý, Tiếng Anh
 - + A12: Toán, Tiếng Anh, Tin Học
 - + A13: Toán, Ngữ Văn, Tin Học
 - + A14: Toán, Vật Lý, Tin Học
 - + D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh

Ngoài ra các phương thức xét tuyển mới được sẽ Trường Đại học Đông Đô cập nhật theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo

b. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển

- Điều kiện tốt nghiệp:

- a. Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;
- b. Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,0/4,0 trở lên;
- c. Điểm rèn luyện đạt từ loại khá trở lên;
- d. Hoàn thành các chứng chỉ và các nghĩa vụ quy định như:
 - + Có chứng chỉ giáo dục thể chất
 - + Có chứng chỉ GDAQP, NN trình độ B.
 - + Hoàn thành học phí, không nợ tài liệu, sách, các trang thiết bị kỹ thuật khác
 - + Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời kỳ bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập

2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Mục tiêu chung (*Programme General Objectives - PGO*)

Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp trong lĩnh vực ngân hàng; năng lực nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo bậc cử nhân; có khả năng học tập suốt đời; có khả năng sáng tạo và thích nghi với môi trường làm việc; có trách nhiệm nghề nghiệp và ý thức phục vụ cộng đồng, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế- xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế.

2.2. Mục tiêu cụ thể : (*Programme Objectives – Gọi tắt là POs*)

PO1: (K) Phân tích và áp dụng được vào thực tiễn những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh và những nội dung cơ bản của đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; Có kỹ năng cơ bản trong lĩnh vực thể dục thể thao, an ninh quốc phòng, trình độ ngoại ngữ thứ 2 tối thiểu đạt bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam.

PO2: (K) Xác định, trình bày được kiến thức về kinh tế và tài chính ngân hàng, kiểm toán, giao dịch thương mại quốc tế, các đặc điểm, quy luật kinh tế vi mô, vĩ mô, nguyên lý kế toán, kinh tế lượng, pháp luật kinh tế,, quản trị chi phí, doanh thu, lợi nhuận, quản trị đầu tư, quản trị vốn kinh doanh, quản trị việc huy động vốn và các quản trị tài chính khác của doanh nghiệp...

PO3: (S) Thực hiện được các nghiệp vụ tài chính chủ yếu phát sinh trong quá trình quản trị của doanh nghiệp, các nghiệp vụ chủ yếu phát sinh trong quá trình hoạt động của ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng khác, thực hiện được việc phân tích tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng khác. Có khả năng sử dụng ngôn ngữ tiếng Anh tối thiểu đạt trình độ B1 theo KNLNN Việt Nam và hoặc ngoại ngữ khác ở mức độ cơ bản để giải quyết vấn đề trong hoạt động nghề nghiệp

PO4: (S) Đủ điều kiện tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn (Thạc sĩ, Tiến sĩ) và có điều kiện học liên thông sang các chuyên ngành khác; khả năng tự học, nghiên cứu và phát triển ngành tài chính – ngân hàng trong tương lai, trải nghiệm, đổi mới và học tập suốt đời.

PO5: (S) Đạt trình độ Ngoại ngữ theo chuẩn Tiếng Anh cho các ngành không chuyên ngoại ngữ của Trường Đại học Đông Đô (tương đương TOEIC 450); có khả năng đọc hiểu

PO6: (A) Có phẩm chất đạo đức tốt, có trách nhiệm với xã hội, có năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm: Chủ động và sáng tạo trong công việc chuyên môn, khởi nghiệp tạo việc làm cho bản thân và người khác trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng.

3. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Sau khi học xong CTĐT sinh viên đạt được các mức năng lực sau:

Chuẩn đầu ra	Mô tả chuẩn đầu ra	Mức năng lực
1. Kiến thức		
1.1.	Kiến thức giáo dục đại cương	
PLO1 (K)	Dưới góc độ triết học, hiểu được bản chất các hiện tượng, sự vật một cách khách quan, khoa học, hiểu được kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính sách pháp luật, an ninh quốc phòng, vận dụng kiến thức đó vào hoạt động thực tiễn.	K3/5
PLO2 (K)	Tin học ứng dụng và đạt chuẩn ứng dụng CNTT cơ bản theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT. Triển khai kiến thức nền tảng của khối ngành và cơ sở ngành về kinh tế, tài chính – tiền tệ, kế toán, thống kê, quản trị, pháp luật kinh tế và các kiến thức nền tảng khác vào việc giải quyết các vấn đề có liên quan đến hoạt động của các doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế, xã hội khác.	K3/5
1.2.	Kiến thức cơ sở ngành	
PLO3 (K)	Triển khai kiến thức tài chính doanh nghiệp và quản trị tài chính doanh nghiệp vào việc phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp và lập kế hoạch tài chính của doanh nghiệp.	K3 /5
PLO4 (K)	Triển khai kiến thức của quản trị ngân hàng thương mại, quản trị chiến lược, quản trị rủi ro, marketing, quản trị chất lượng dịch vụ vào việc phân tích các hoạt động kinh doanh và lập kế hoạch kinh doanh của ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng.	K3/5
1.3.	Kiến thức chuyên ngành	
PLO5 (K)	Chuẩn bị tốt kiến thức chuyên ngành để thực hiện tốt các nghiệp vụ quản trị tài chính trong doanh nghiệp: Quản trị chi phí, doanh thu, lợi nhuận; quản trị đầu tư; quản trị vốn kinh doanh; quản trị việc huy động vốn và các quản trị tài chính khác của doanh nghiệp.	K4/5
PLO6 (K)	Phân tích kiến thức để thực hiện tốt các nghiệp vụ trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng khác: Nghiệp vụ huy động vốn, nghiệp vụ sử dụng vốn, nghiệp vụ ngân hàng đối ngoại, hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán, ngân quỹ và các hoạt động khác	K4/5
2. Kỹ năng		
2.1.	Kỹ năng nghề nghiệp	
PLO7 (S)	Thực hiện thuần thục các nghiệp vụ tài chính chủ yếu phát sinh trong quá trình quản trị của doanh nghiệp.	S3/5

Chuẩn đầu ra	Mô tả chuẩn đầu ra	Mức năng lực
PLO8 (S)	Thực hiện thuần thục các nghiệp vụ chủ yếu phát sinh trong quá trình hoạt động của ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng khác.	S3/5
PLO9 (S)	Thực hiện mức độ cao việc phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp, hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng khác, sử dụng ngôn ngữ tiếng Anh tối thiểu đạt trình độ B2 theo KNLNN Việt Nam	S4/5
2.2. Kỹ năng giao tiếp ứng xử/		
PLO10 (S)	Hình thành tác phong làm việc khoa học và chuyên nghiệp, linh hoạt, thích nghi kịp thời với sự thay đổi của hoàn cảnh học tập và làm việc	S4/5
2.3. Thái độ, mức tự chủ và chịu trách nhiệm		
PLO11 (A)	Chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm, trách nhiệm và hợp tác, giúp đỡ, lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực và cải thiện hiệu quả các hoạt động trong lĩnh vực tài chính ngân hàng và kế toán.	A3/4
PLO12 (A)	Đóng góp ý kiến trong quá trình học và nghiên cứu, khởi sự khởi nghiệp cho bản thân và cho cộng đồng	A3/4

4. VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN SAU KHI TỐT NGHIỆP

Sinh viên tốt nghiệp và đạt đầu ra chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng của Trường Đại học Đông Đô có thể làm việc tại các bộ phận, doanh nghiệp như sau:

a. Chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp

- Có thể đảm nhận những vị trí công việc liên quan đến tài chính và tài chính doanh nghiệp tại các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức xã hội từ Trung ương đến địa phương như: các Bộ, Ban, Ngành; các Sở và các Hiệp hội....;
- Có thể đảm nhận nhiều vị trí khác nhau liên quan đến hoạt động tài chính và quản trị tài chính tại các loại hình doanh nghiệp, các công ty, tổng công ty, tập đoàn kinh tế và các tổ chức tài chính (ngân hàng thương mại, công ty tài chính, công ty chứng khoán, quỹ đầu tư...). Các công việc có thể đảm nhận như: Phân tích tài chính doanh nghiệp, tham gia hoạch định chiến lược, kế hoạch hóa và dự báo tài chính doanh nghiệp; phân tích và đánh giá dự án đầu tư; phân tích thị trường tài chính, đầu tư và huy động vốn; tái cấu trúc doanh nghiệp...;
- Có thể đảm nhận những vị trí công tác về giảng dạy, nghiên cứu ở các cơ sở đào tạo (các học viện, trường đại học, cao đẳng), các cơ quan nghiên cứu khoa học, các viện nghiên cứu về lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng nói chung và tài chính doanh nghiệp nói riêng.

b. Chuyên ngành ngân hàng

- Làm việc tại các NH (Ngân hàng thương mại, Ngân hàng chính sách xã hội, Ngân hàng phát triển...), các tổ chức tín dụng khác: các Quỹ tín dụng, Công ty Tài chính, Công ty Bảo hiểm, Công ty Cho thuê tài chính... ở tất cả các vị trí nghiệp vụ tại trụ sở chính và tại các chi nhánh.
- Làm việc tại Ngân hàng Nhà nước: có thể đảm nhận các công việc như nhân viên nghiệp vụ tại SGD, nhân viên của các Vụ: Vụ chính sách tiền tệ, Vụ quan hệ quốc tế, Vụ Tín dụng, Vụ chế độ Kế toán, Vụ Quản lý ngoại hối... các chi nhánh, văn phòng đại diện của Ngân

hàng Nhà nước.

- Có thể đảm nhiệm những vị trí công tác về giảng dạy, nghiên cứu ở các cơ sở đào tạo (các học viện, trường đại học, cao đẳng), các cơ quan nghiên cứu khoa học, các viện nghiên cứu về lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng nói chung và Ngân hàng nói riêng.

5. CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Các khối kiến thức	TC
Khối kiến thức giáo dục đại cương	32
Khối kiến thức cơ sở ngành	14
Khối kiến thức chuyên ngành	67
Thực tập & Khóa luận tốt nghiệp	10
Tổng	123

6. DANH SÁCH HỌC PHẦN

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố số giờ	
				Lý thuyết/ thảo luận	Thực hành/ thí nghiệm
6.2.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương (Bắt buộc)			32		
1	7GDC001	Triết học Mác - Lênin	3	3	0
2	7GDC002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0
3	7GDC004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0
4	7GDC005	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0
5	7GDC003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0
6	7GDC007	Ngôn ngữ Anh 1	3	2	1
7	7GDC008	Ngôn ngữ Anh 2	3	2	1
8	7GDC009	Ngôn ngữ Anh 3	3	2	1
9	7GDC030	Toán cao cấp 1	2	1	1
10	7GDC031	Toán cao cấp 2	3	2	1
11	7GDC019	Tin học đại cương	3	2	1
12	7GDC006	Pháp luật đại cương	2	2	0
13	7GDC032	Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình	2	2	0
6.2.2. Giáo dục thể chất, an ninh quốc phòng					
	7GAQ001	Giáo dục QPAN	8		
	7GTC002	Giáo dục thể chất	4		
6.3. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 85 tín chỉ					
6.3.1. Kiến thức cơ sở ngành (bắt buộc)			14		
14	7GDC024	Kinh tế vi mô	2	1	1
15	7GDC025	Kinh tế vĩ mô	2	1	1
16	7TCN001	Nguyên lý kế toán	3	2	1
17	7TCN002	Kinh tế lượng	3	1	2

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố số giờ	
				Lý thuyết/ thảo luận	Thực hành/ thí nghiệm
18	7GDC036	Pháp luật kinh tế	2	2	0
19	7GDC037	Marketing căn bản	2	2	0
6.3.2. Kiến thức chuyên ngành chung (bắt buộc)			46		
20	7TCN003	Tài chính học	3	3	0
21	7TCN004	Tiền tệ ngân hàng	3	2	1
22	7TCN005	Tài chính quốc tế	3	2	1
23	7TCN006	Thị trường chứng khoán	3	2	1
24	7TCN007	Tài chính doanh nghiệp	3	2	1
25	7TCN008	Kế toán tài chính doanh nghiệp	3	2	1
26	7TCN009	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	2	1
27	7TCN010	Ngân hàng thương mại	3	2	1
28	7GDC040	Kiểm toán căn bản	2	2	0
29	7TCN011	Nguyên lý thống kê	3	3	0
30	7GDC039	Quản trị doanh nghiệp	3	2	1
31	7GDC043	Đạo đức nghề nghiệp	3	2	1
32	7TCN013	Thuế và kế toán thuế	3	2	1
33	7TCN014	Ngôn ngữ Anh chuyên ngành 1	3	2	1
34	7TCN015	Ngôn ngữ Anh chuyên ngành 2	3	2	1
35	7TCN016	Tin học chuyên ngành	2	1	1
6.3.3. Kiến thức định hướng chuyên ngành sâu (chọn 1 định hướng chuyên ngành)			21		
6.3.3.1. Chuyên ngành ngân hàng thương mại			21		
36	7TCN017	Tín dụng ngân hàng	3	2	1
37	7TCN018	Quản trị ngân hàng	3	2	1
38	7KET024	Kế toán ngân hàng	3	2	1
39	7TCN020	Thanh toán quốc tế	3	2	1
40	7TCN021	Tài trợ dự án	3	2	1
41	7TCN022	Kiểm toán nội bộ ngân hàng TM	3	2	1
42	7TCN023	Marketing và dịch vụ ngân hàng	3	2	1
6.3.3.2. Chuyên ngành tài chính doanh nghiệp			21		
43	7TCN024	Kế toán tài chính 2	3	2	1
44	7TCN025	Tài chính doanh nghiệp 2	3	2	1
45	7TCN026	Tài chính các công ty đa quốc gia	3	2	1
46	7TCN027	Định giá tài sản	3	2	1
47	7TCN028	Mua bán và sáp nhập DN	3	2	1
48	7TCN029	Bảo hiểm	3	2	1
49	7TCN030	Kế toán quản trị	3	2	1
6.3.3.3. Chuyên ngành thanh toán quốc tế			21		

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố số giờ	
				Lý thuyết/ thảo luận	Thực hành/ thí nghiệm
50	7TCN031	Giao dịch thương mại quốc tế	3	2	1
51	7TCN032	Vận tải và bảo hiểm ngoại thương	3	2	1
52	7TCN033	Thanh toán quốc tế	3	2	1
53	7KET024	Kế toán ngân hàng	3	2	1
54	7TCN034	Luật thương mại quốc tế	3	2	1
55	7TCN035	Kinh doanh ngoại hối	3	2	1
56	7TCN036	Công cụ phái sinh	3	2	1
6.3.4. Thực tập, khóa luận/học thay thế tốt nghiệp			10		
6.3.4.1. Thực tập tốt nghiệp, khoá luận TN					
57	7TCN037	Thực tập tốt nghiệp	4	1	3
58	7TCN038	Khóa luận tốt nghiệp	6	1	5
6.3.4.2. Học phân thay thế khoá luận tốt nghiệp			6		
59	7TCN039	Thuế và kế toán thuế	3	3	
60	7CTN040	Tài chính tiền tệ	3	3	
Tổng cộng			123		